TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HSST
Ngày 31 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tám
2. Ông Đỗ Hồng Phúc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/HSST-QĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1982; nơi sinh: Xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Phạm Văn A và bà Phạm Thị P; có vợ: Đỗ Thị Ngọc Y và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1980 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Chị Đỗ Thị L (vợ anh H), sinh năm 1983
2. Cháu Phạm Thị N (con ruột anh H), sinh năm 2004
3. Ông Phạm Văn T (bố đẻ anh H), sinh năm 1952
4. Bà Kiều Thị H (mẹ đẻ anh H), sinh năm 1955

Người đại diện hợp pháp của cháu N là chị Đỗ Thị L (mẹ đẻ cháu N)

Đều cư trú: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của chị L, ông T và bà H là ông Phạm Hồng Q, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số nhà X, phố C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 30 tháng 3 năm 2017, Phạm Văn T có giấy phép lái xe ô tô hạng C do Sở giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Phúc cấp, còn giá trị sử dụng, điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu MAZDA BT50, biển kiểm soát: 88C – 09169 theo hướng từ xã N, huyện Y đi xã TL, huyện B. Trên xe có anh Đỗ Đức M, sinh năm 1976 ngồi bên ghế phụ và anh Lê Anh M, sinh năm 1974 ngồi ghế sau. Khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc thôn Đ, xã N, T vừa lái xe vừa nghe điện thoại không chú ý quan sát nên điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái theo chiều đi của T. Khi nghe điện thoại xong thì phần đầu xe bên phải của T đã đâm vào xe mô tô biển kiểm soát: 88H3-7152 do Anh Phạm Văn H, sinh năm 1980 ở xã T, huyện Y điều khiển đi ngược chiều. Anh H bị hất văng ra lề đường bên phải theo hướng từ xã N đi xã TL, còn xe mô tô bị cuốn vào gầm xe ô tô và bị đẩy lùi về phía sau khoảng 26m thì dừng lại. Ngay sau khi tai nạn xảy ra, anh H được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện B, nhưng do vết thương quá nặng nên anh H tử vong vào 22 giờ 45 phút ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Nhận được tin báo, Cơ quan điều tra đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và khám dấu vết phương tiện liên quan theo quy định

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 71/TT ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

"1. Dấu hiệu qua giám định:

Nhiều vết sây sát da và bào da, rách da cơ. Lồng ngực biến dạng bẹp xuống nghiêng trái. Gãy dời kín và gãy hở nhiều xương, gãy nhiều xương sườn bên trái. Vết thương thấu ngực làm thủng khoang liên sườn 4,5 bên trái. Thủng màng phổi trái, thủng mặt trước phổi trái, làm xẹp phổi trái.

2. Nguyên nhân tử vong: Sốc đa chấn thương không hồi phục".

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện bồi thường toàn bộ các chi phí cho gia đình người bị hại là 100.000.000đ. Đại diện gia đình người bị hại là ông T, chị L và ông Q đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn T.

Vật chứng vụ án: 01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Phạm Văn T và 01 xe mô tô biển kiểm soát: 88H3-7152.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn thu và trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 xe ô tô biển kiểm soát: 88C – 091.69; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T; 01 Camera giám sát hành trình; 01 thẻ nhớ; 01 củ nguồn cáp điện.

Bản cáo trạng số: 34/KSĐT-TA ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm x khoản 1Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Phạm Văn T hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn từ 01 năm đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, xác nhận bị cáo Phạm Văn T đã bồi thường toàn bộ chi phí cho gia đình người bị hại 100.000.000đ là hợp pháp và xác nhận việc Cơ quan điều tra trả xe ô tô cùng một số giấy tờ liên quan là đúng chủ sở hữu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 30 tháng 3 năm 2017, Phạm Văn T có giấy phép lái xe ô tô hạng C theo quy định, điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu MAZDA BT50, biển kiểm soát: 88C – 091.69, theo hướng từ xã N, huyện Y đi xã TL, huyện B. Khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc thôn Đ, xã N, T vừa lái xe vừa nghe điện thoại không chú ý quan sát, không đi đúng phần đường nên đã đâm vào xe mô tô biển kiểm soát: 88H3-7152 do Anh Phạm Văn H điều khiển đi ngược chiều, làm anh H bị hất văng ra lề đường, bị thương nặng: Sốc đa chấn thương không hồi phục dẫn đến tử vong.

Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện gia đình người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám phương tiện, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nên có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Văn T đã vi phạm khoản 23 Điều 8; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 17 của Luật giao thông đường bộ, đã phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 202 quy định:

"1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng … của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm".

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại cho xã hội, gây thiệt hại cho tính mạng, tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông, vì vậy cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Song, tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; khi sự việc xảy ra đã tích cực thăm hỏi và tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại, gia đình người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo T có bố đẻ được tặng Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba và mẹ đẻ là bệnh binh. Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 thì trường hợp bị cáo có bố mẹ đẻ có công với cách mạng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46, nhưng theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 là tình tiết giảm nhẹ mới, vì vậy cần áp dụng các điều khoản có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình và chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

Về hình phạt bổ sung, theo khoản 5 Điều 202 của Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm", do bị cáo lái xe không chấp hành nghiêm các quy định về luật giao thông đường bộ nên cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe ô tô một thời gian nhất định.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện bồi thường toàn bộ các chi phí cho gia đình người bị hại là 100.000.000đ. Người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: 01 Giấy phép lái xe hạng C mang tên Phạm Văn T không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án.

Việc Cơ quan điều tra thu và trả cho bị cáo Phạm Văn T 01 xe ô tô biển kiểm soát: 88C – 091.69; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe cơ giới; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T; 01 Camera giám sát hành trình; 01 thẻ nhớ; 01 củ nguồn cáp điện. Nay bị cáo không có ý kiến gì về tài sản đã nhận lại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Riêng 01 xe mô tô biển kiểm soát: 88H3-7152 do anh Phạm Văn H điều khiển. Quá trình điều tra chưa xác định được nguồn gốc chiếc xe. Vì vậy, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 202; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1

Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Cấm bị cáo Phạm Văn T hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 01 (Một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 giấy phép lái xe hạng C, số: 260114263283 cấp ngày 12 tháng 12 năm 2014 mang tên Phạm Văn T, nhưng cần tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án.

Áp dụng: Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Yên Lạc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai Hương